

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2021

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Ông Nguyễn Thành Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số : 53/2021/TB-TA, ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé S**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp M, xã B huyện Ch, tỉnh K.

(Chị S có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Kiều Tấn Ph**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Ph vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé S trình bày: Vào năm 1996, chị và anh Kiều Tấn Ph được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên Kiều Tấn Ph, sinh năm 1999 và Kiều Phát H, sinh năm 2002, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến thời gian sau khoản 2012 xảy ra mâu thuẫn, anh Ph đánh chị và được mọi người can ngăn nhưng vì thương con nên chị hàn gắn lại tình cảm vợ chồng cho anh Ph nhiều cơ hội để sửa sai, tuy nhiên đến khoản năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị lại tiếp tục bỏ qua cho đến năm 2020 chị và anh Ph lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng hơn, anh Ph thường hay đi uống rượu về nhà gây sự với chị nhiều lần. Do cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình và cách sống, chị đã cho anh Ph nhiều cơ hội nhưng vẫn không có kết quả nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bé S yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu được ly hôn với anh Kiều Tấn Ph
- *Về con chung:* Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19-5-2021 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29-6-2021 bị đơn anh Kiều Tấn Ph trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị S yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé S
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Ph vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 12-5-2021 chị Nguyễn Thị Bé S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Kiều Tấn Ph. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Kiều Tấn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph chung sống với nhau vào năm 1996 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Kiều Tấn Ph, sinh năm 1999 và Kiều Phát H, sinh năm 2002 hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bé S là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Kiều Tấn Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Nguyễn Thị Bé S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001710 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị S không phải nộp thêm.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kiều Tấn Ph vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

